

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 28 - 11- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tần A Dén, ông Sùng A Dinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 01/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 11/11/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST – QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1.1. Họ và tên: **Sùng A C** - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Bản Đun, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A D - Sinh năm 1966 và bà Cứ Thị T - Sinh năm 1968; có vợ là Giàng Thị S - Sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

1.2. Họ và tên: **Sùng A C1** - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2001 tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Đun, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A D – Sinh năm 1966 và bà Cứ Thị T - Sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

1.3. Họ và tên: **Sùng A K** - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1996 tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Đun, xã M, huyện T,

tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A D – Sinh năm 1966 và bà Cừ Thị T - Sinh năm 1968; có vợ là Mùa Thị S1 - Sinh năm 1996 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

1.4. Họ và tên: **Sùng A T1** - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/3/2006 tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Đun, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A D – Sinh năm 1966 và bà Cừ Thị T - Sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1: Ông Sùng A D – Sinh năm 1966. Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Đun, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/Có mặt.

- Bị hại:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn X. Địa chỉ trụ sở: Số nhà F, tổ dân phố A, Phường M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bùi Đức T2 - Sinh năm 1970 – Là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Đức T2: anh Bùi Đức T3 - Sinh năm 1981 - Là Cán bộ kỹ thuật thuộc Công ty TNHH X. Nơi cư trú: Tổ F, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt.

+ anh Trần Danh T4 – Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Bùi Doãn C2 - Sinh năm 1997; Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Công trình xây dựng trường Tiểu học số 1, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt.

- Những người làm chứng:

+ ông Sùng A D - Sinh năm 1966/Có mặt.

+ anh Sùng A T5 - Sinh năm 1995/Có mặt.

+ anh Sùng A C3 - Sinh năm 2000/Vắng mặt.

Cùng trú tại: Bản Đ, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ anh Lò Văn Q - Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản L, xã N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt.

+ anh Trần Văn Đ - Sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khôi H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt.

+ anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Giàng A D1 - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố

T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, Công ty TNHH X - Điện Biên tiến hành thi công san ủi xây dựng Trường P, thuộc bản L, xã M, huyện T đã đổ thải đất ở trên đồi, trời mưa nên đã trôi đất lấp ruộng của gia đình ông Sùng A D phía dưới, gia đình ông D đã đề nghị UBND xã và Công ty giải quyết nhiều lần nhưng không thỏa thuận được.

Ngày 02/9/2023, ông D cùng các con tiếp tục đến công trường để ngăn cản, yêu cầu công nhân của công ty dừng thi công để giải quyết việc bồi thường thiệt hại cho gia đình ông, sau đó ông D và các con về nhà.

Đến khoảng 10 giờ ngày 03/9/2023, phát hiện công nhân của Công ty X tiếp tục thi công, đổ thải đất vị trí cũ nên ông Sùng A D cùng các con trai là T1, C, C1, K, C3, T5 (tổng cộng 7 người) đi xe máy đến công trường.

Khi đi C1, T1 mỗi người mang theo một đoạn gậy gỗ, đến nơi bị cáo C giật lấy đoạn gậy gỗ trên tay bị cáo T1 rồi đi vào trong lán, trong lán lúc này có Trần Danh T4, Bùi Doãn C2, Trần Văn Đ là công nhân của công ty, bị cáo C nói hôm qua không giải quyết thì nghỉ, tại sao hôm nay vẫn làm, thì T4 bảo chỉ làm theo lệnh của sếp. Sau đó bị cáo C xô đẩy T4, trong lúc xô đẩy trong lán làm bàn đồ nên bát, đĩa, ấm, chén, phích nước trên bàn rơi xuống nền vỡ. Lúc này T1 nhặt thanh sắt hộp đập phá các tài sản gồm 01 bình nước lọc, 01 cây quạt, 03 chiếc ghế nhựa.

Bị cáo K cũng dùng 01 thanh sắt hộp đập vỡ 01 bình nước lọc, 01 cây quạt rồi cùng bị cáo C dùng gậy tiếp tục đẩy, ép T4 vào trong góc bếp làm T4 ngã vào tủ lạnh bị thương tích ở tay, khi bị ngã T4 liền dùng tay phải nhặt được 01 con dao giờ lên chém về phía C, mũi dao trúng vào phía sau lưng bên trái của bị cáo C làm C bị thương tích, lúc đó bị cáo C đang cầm trên tay phải đoạn gậy gỗ xoay người vung gậy vụt một nhát hướng từ trên xuống dưới trúng vào đầu của T4 gây thương tích.

T4 tiếp tục dơ dao chém về phía bị cáo C thì bị cáo K dùng tay đẩy C ra, mũi dao trúng vào bả vai trái phía trước của bị cáo K bị thương tích. T4 tiếp tục khua dao và đi về phía cửa chính của lán, lúc đó bị cáo K đang cầm gậy sắt trong tay phải vụt 01 nhát ngang theo sau trúng vào lưng của T4 nhưng không gây thương tích. Bị cáo C1 cũng cầm 01 đoạn gậy gỗ bằng tay trái vụt một nhát hướng từ dưới lên trên trúng vào đầu T4 gây thương tích. Lúc đó, C2 dùng đoạn gậy sắt lao vào đập một nhát trúng vào vai bên trái của C1 và một nhát trúng vào lưng của C nhưng không gây thương tích, sau đó C2 cũng bị người khác dùng gậy đánh một nhát vào sau lưng bị thương tích nhưng không biết ai đánh.

T4 tiếp tục dùng dao vung ngang thì ông Sùng A D ở gần đó đã đỡ làm con dao rơi xuống đất. Sau đó, T4 nhặt lại con dao rồi chạy xuyên qua lán bằng cửa sau để ra ngoài, bị cáo K đuổi theo đến cửa lán thì quay lại, lúc này bị cáo C đang đuổi theo C2 thì thấy T4 chạy qua cách bị cáo C khoảng 03 mét nên bị cáo C đã ném đoạn gậy gỗ đang cầm trên tay phải về phía T4 trúng vào tay phải của T4 làm gãy tay.

Bị cáo T1 sau khi ra khỏi lán, thì có chiếc xe ô tô màu trắng BKS 27C - 022.84 của công ty X đi đổ đất về thì bị cáo T1 nhặt một hòn đá mềm ném thẳng vào kính chắn gió phía trước buồng lái, làm kính chắn gió của xe bị nứt vỡ và hòn đá cũng bị vỡ rơi xuống đất. Bị cáo T1 tiếp tục giật mạnh mở cửa buồng lái chiếc xe ô tô màu xanh BKS 27H - 001.31 làm tay giằng bên trái cửa xe bị gãy.

Vật chứng thu giữ: 01 áo phông cổ tròn màu trắng; 01 áo phông cổ tròn màu đỏ; 01 con dao bằng kim loại màu đen – bạc dài 32,8cm; 01 thanh sắt hộp vuông; 01 thanh sắt phi 10; 01 đoạn kim loại hình ống trụ hộp; 01 ống điều hút thuốc lòn bằng tre; 02 đoạn gậy gỗ hình trụ tròn.

Đồ vật, tài sản Cơ quan điều tra tạm giữ của Công ty TNHH X: 02 cây quạt; 01 bộ ấm chén; 01 phích nước; 10 chiếc bát; 02 bình nước lọc; 03 chiếc ghế nhựa; 01 xe ô tô BKS 27C - 022.84; 01 xe ô tô BKS 27H - 001.31; 01 tay giằng bên trái cửa xe ô tô BKS 27H - 001.31.

Ngày 29/8/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản tạm giữ trên cho Công ty TNHH X.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 165/KLTTCT –TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định thương tích đối với Trần Danh T4 kết luận:

1. Các kết quả chính:

- 02 sẹo phần mềm ở vùng đỉnh cằm trái:

+ Sẹo 1: có kích thước 2cm X 0,5cm, sẹo phẳng, màu nâu = 1%.

+ Sẹo 2 cách sẹo 1 là 3cm, có đường kính 0,7cm, sẹo phẳng, màu nâu = 2%.

- 01 sẹo phần mềm ở mặt mu đốt 2 ngón 3 bàn tay trái, có kích thước: 0,5cm X 0,2cm, sẹo phẳng, màu nâu = 1%.

- 01 sẹo phần mềm ở 1/3 trên mặt sau cẳng tay phải, có kích thước: 11cm X 0,3cm, sẹo phẳng, màu nâu = 2%.

- 01 sẹo phần mềm ở 1/3 trên mặt sau ngoài cẳng tay phải, có kích thước: 0,6cm X 0,5cm, sẹo phẳng, màu hồng = 1%.

- Gãy 1/3 trên xương trụ cẳng tay phải, đã phẫu thuật kết hợp xương, đang can xương thẳng trục = 8%.

Áp dụng cách tính tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trần Danh T4 theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần là 14,26% (làm tròn 14%).

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trần Danh T4 tại thời điểm giám định là 14%.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 166/KLTTCT –TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định thương tích đối với Bùi Doãn C2 kết luận:

1. Các kết quả chính:

- 01 sẹo phần mềm ở vùng lưng trái, có kích thước: 2cm X 0,5cm, sẹo phẳng, màu nâu = 1%.

- 01 sẹo vết mất sắc tố da màu nâu ở vùng thắt lưng, có kích thước 1,5 cm X 0,5 cm = 1%.

Áp dụng cách tính tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Búi Doãn C2 theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần là 1,99% (làm tròn 2%).

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Búi Doãn C2 tại thời điểm giám định là 2%.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 167/KLTTCT –TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định thương tích đối với Sùng A C1 kết luận:

Tại thời điểm giám định, trên thân thể Sùng A C1 không có dấu vết thương tích, vì vậy Trung tâm Pháp y tỉnh Đ không có căn cứ để tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho Sùng A C1.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 168/KLTTCT –TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định thương tích đối với Sùng A C kết luận:

1. Các kết quả chính:

- 01 sẹo phần mềm ở phía trong bả vai trái, có kích thước: 2cm X 0,7cm, sẹo phẳng, màu nâu = 2%.

- 01 sẹo vết mất sắc tố da màu trắng ngà ở dưới bả vai trái, có kích thước: 8cm X 0,1cm = 1%.

Áp dụng cách tính tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Sùng A C theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần là 2,98% (làm tròn 3%).

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Sùng A C tại thời điểm giám định là 3%.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 169/KLTTCT –TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định thương tích đối với Sùng A K kết luận:

1. Các kết quả chính:

- 01 sẹo phần mềm ở phía dưới đầu ngoài xương đòn trái, có kích thước: 1,5cm X 0,3cm, sẹo phẳng, màu hồng = 1%.

- 01 sẹo phần mềm ở trên hõm nách trái, có kích thước: 1cm X 0,1cm, sẹo phẳng, màu hồng = 1%.

Áp dụng cách tính tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Sùng A K theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần là 1,99% (làm tròn 2%).

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Sùng A K tại thời điểm giám định là 2%.

Tại các kết luận giám định Pháp y số 59, số 60/KLGĐPY –TTPY ngày 23/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định pháp y đối với Sùng A C, Sùng A K kết luận:

1. Con dao gửi giám định có thể gây nên thương tích cho Sùng A C và Sùng A K.

2. Dấu vết thương tích để lại trên thân thể của Sùng A C và Sùng A K phù hợp với đặc điểm và cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật sắc gây nên.

Tại kết luận giám định pháp y số 69/KLVGTT – TTPY ngày 13/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định pháp y đối với Trần Danh T4 kết luận:

1. Đoạn gỗ gửi giám định có thể gây nên thương tích cho Trần Danh T4.
2. Các dấu vết thương tích để lại trên thân thể của Trần Danh T4 phù hợp với đặc điểm và cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên.

Tại kết luận giám định số 01/KLVGTT – TTPY ngày 24/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định vật gây thương tích đối với Trần Danh T4 kết luận:

1. Đoạn gỗ gửi giám định có thể gây nên thương tích cho Trần Danh T4.
2. Các dấu vết thương tích để lại trên thân thể của Trần Danh T4 phù hợp với đặc điểm và cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên.

Tại kết luận giám định số 02/KLVGTT – TTPY ngày 24/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ giám định vật gây thương tích đối với Trần Danh T4 kết luận:

1. Đoạn kim loại (thanh sắt hộp) gửi giám định có thể gây nên thương tích cho Trần Danh T4.
2. Các dấu vết thương tích để lại trên thân thể của Trần Danh T4 phù hợp với đặc điểm và cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên.

Tại kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 5496/KL- KTHS ngày 25/7/2024 của V1 Bộ C5 đối với Sùng A C1 kết luận:

Căn cứ vào mức độ phát triển thể chất cơ thể; sự phát triển và cốt hoá của các xương tay, chân và khung chậu; mức độ hàn các đầu xương vào thân xương của các xương dài, khám các chuyên khoa và xét nghiệm, xác định độ tuổi của Sùng A C1 tại thời điểm giám định tháng 7/2024 là từ 22 năm đến 24 năm.

Tại kết luận định giá tài sản số 36/KL – HĐĐGTS ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2023 của:

- 01 cây quạt đứng CN B4, kiểu loại C-D1668 là 320.000 đồng.
- 01 bình nước lọc màu xanh loại 20 lít có giá trị 96.000 đồng.
- 03 chiếc ghế nhựa V - Nhật có giá trị 120.000 đồng.
- 01 kính chắn gió mặt trước lái của xe ô tô tải có giá trị 6.100.000 đồng.
- 01 tay giằng bên trái xe ô tô tải có giá trị 500.000 đồng.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Doãn C2 không yêu cầu khởi tố vụ án và không yêu cầu ai bồi thường thiệt hại.

Công ty TNHH X yêu cầu bị cáo Sùng A T1 phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Công ty số tiền 8.080.000 đồng.

Trần Danh T4 yêu cầu các bị cáo C, C1, K phải liên đới bồi thường sức khoẻ 80.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường cho Trần Danh T4 mỗi bị cáo 1.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T.

Bị cáo C yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khoẻ 30.000.000 đồng; Bị cáo K yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khoẻ 15.000.000 đồng.

Cáo trạng số 42/CT- VKSHTC ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa truy tố các bị cáo: Sùng A C, Sùng A C1, Sùng A K về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Sùng A T1 về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sùng A C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích"

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo Sùng A C1, Sùng A K: Đề nghị xử phạt bị cáo Sùng A C1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng về tội " Cố ý gây thương tích"; xử phạt bị cáo Sùng A K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng về tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sùng A T1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật dân sự, công nhận các bị cáo C, C1, K mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Bị hại Trần Danh T4 1.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T1 bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH X số tiền 7.136.000đồng, công nhận bị cáo Sùng A T1 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả trước một phần cho Công ty TNHH X 1.000.000đồng. Bị cáo T1 phải bồi thường tiếp số tiền 6.136.000đồng cho Công ty.

Không chấp nhận số tiền Công ty yêu cầu bị cáo T1 bồi thường không có căn cứ là 944.000 đồng.

Đối với Bị hại Trần Danh T4 yêu cầu các bị cáo C, C1, K phải liên đới bồi thường sức khoẻ 80.000.000 đồng; Bị cáo C yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khoẻ 30.000.000 đồng; Bị cáo K yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khoẻ 15.000.000 đồng, do người yêu cầu chưa giao nộp được các chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử tách yêu cầu của Trần Danh T4, Sùng A C, Sùng A K giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ: 02 thanh sắt hộp vuông; 01 ống điều bằng tre; 02 đoạn gậy gỗ; 01 thanh sắt phi 10; 01 con dao; 01 áo phông cổ tròn màu trắng; Trả lại cho bị cáo Sùng A

K 01 áo phong cổ tròn màu đỏ; chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản tạm giữ cho Công ty TNHH X.

- Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo và miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo T1.

Bị cáo Sùng A C, Sùng A C1, Sùng A K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty TNHH X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Những người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, Bị hại và giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt không có lý do của Bị hại Công ty TNHH X, Bị hại Trần Danh T4, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Doãn C2, những người làm chứng Lò Văn Q, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn H. Xét thấy người vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa mở ngày 22/11/2024 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, do sự vắng mặt không có lý do của các Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xem xét về hành vi của các bị cáo:

Qua lời khai của các Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, xác định được:

Xuất phát từ việc Công ty TNHH X thi công công trình san mặt bằng xây dựng Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học đã đổ thải đất ở trên đồi, do trời mưa nên đất đã trôi đất lấp thửa ruộng của gia đình ông Sùng A D phía dưới, làm cho gia đình không có ruộng sản xuất, gia đình đã đề nghị UBND xã và Công ty giải quyết nhiều lần, nhưng chưa được giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết thân thể của Bị hại và bản ảnh, biên bản nhận dạng, biên bản tạm giữ, thu giữ vật chứng, hồ sơ bệnh án; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, bản kết luận giám định pháp y về vật gây thương tích của Trung tâm pháp y tỉnh Đ...

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định do bức xúc nên vào khoảng 10 giờ ngày 03/09/2024, tại công trình đang thi công xây dựng Trường phổ thông dân tộc bán

trú Tiểu học xã M các bị cáo C, C1, K đã cố ý dùng gậy gỗ, thanh sắt là những hung khí nguy hiểm đánh vào đầu, lưng và tay của Trần Danh T4 gây thương tích cơ thể 14%, có tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Khi xảy ra sự việc, bị cáo T1 đã cố ý dùng 01 thanh sắt đập phá làm hư hỏng tài sản của Công ty TNHH X: 01 bình nước lọc, 01 cây quạt, 03 chiếc ghế nhựa; làm kính chắn gió phía trước buồng lái của xe ô tô màu trắng bị nứt vỡ, làm giằng cửa xe ô tô màu xanh bị gãy. Tổng trị giá thiệt hại về tài sản theo kết luận định giá tài do bị cáo T1 gây ra là 7.136.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tòa Chùa truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Xét về vai trò của các bị cáo, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Sùng A C, Sùng A C1, Sùng A K là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, nhất định gây thương tích cho người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người được luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Trong vụ án, các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn, đều là người thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại Trần Danh T4 nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tỉ lệ thương tích đã gây ra 14%. Trong đó bị cáo C là người thực hành tích cực và gây thương tích nhiều nhất. Do đó, xác định mức hình phạt bị cáo C nặng hơn so với các bị cáo C1, K.

Bị cáo Sùng A T1 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, không có đồng phạm.

[3.1] Đối với bị cáo Sùng A C

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường cho Bị hại Trần Danh T4 1.000.000 đồng, do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Công ty TNHH X cũng có lỗi trong việc chậm trễ giải quyết thiệt hại cho gia đình ông Sùng A D, dẫn đến bị cáo tâm lý bức xúc, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nhưng là người thực hiện hành vi tích cực và gây thương tích nhiều nhất cho Trần Danh T4, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

[3.2] Đối với bị cáo Sùng A C1, bị cáo Sùng A Ka

Các bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo.

Các bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường cho Bị hại Trần Danh T4, mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng, do đó cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Công ty TNHH X cũng có lỗi trong việc chậm trễ giải quyết thiệt hại cho gia đình, dẫn đến các bị cáo tâm lý bức xúc, nên cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, các bị cáo vai trò đồng phạm không đáng kể, đóng vai trò thấp hơn bị cáo C. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao cho gia đình, chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng đủ giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã thật sự nhận ra lỗi lầm và ăn năn hối cải.

[3.3] Đối với bị cáo Sùng A T1

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, không có tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả trước một phần cho Công ty TNHH X 1.000.000 đồng, do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Công ty TNHH X cũng có lỗi trong việc chậm trễ giải quyết thiệt hại cho gia đình, dẫn đến bị cáo tâm lý bức xúc, nên cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ và giao cho gia đình, chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng đủ giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã thật sự nhận ra lỗi lầm và ăn năn hối cải.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 mới 17 tuổi 05 tháng 22 ngày, do đó, cần áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 100 của Bộ luật hình sự để quyết định mức

hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Áp dụng khoản 2 Điều 100 của Bộ luật hình sự thì hình phạt đối với bị cáo không vượt quá mức một phần hai của 03 năm cải tạo không giam giữ, như vậy mức hình phạt đối với bị cáo không vượt quá 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

[4] Về khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung

Xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo Sùng A T1 khó khăn, làm nông nghiệp ruộng nương, điều kiện kinh tế không có, thu nhập không ổn định theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 178 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm bồi thường dân sự

[5.1] Đối với thiệt hại của Công ty TNHH X - Điện Biên.

Công ty yêu cầu bị cáo Sùng A T1 phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 8.080.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường của Bị hại không phù hợp trên thực tế bị thiệt hại. Theo kết luận định giá tài sản, kết quả điều tra đã làm rõ tài sản do bị cáo T1 gây thiệt hại có tổng giá trị là 7.136.000 đồng, như vậy yêu cầu bồi thường của Bị hại vượt quá mức thiệt hại là 944.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu và buộc bị cáo T1 phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản cho Công ty T6 kết luận định giá tài sản. Không chấp nhận phần yêu cầu vượt quá 944.000 đồng do không có căn cứ.

Do phần yêu cầu vượt quá mức thiệt hại 944.000 đồng không được chấp nhận, nên Bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T1 đã tự nguyện nộp bồi thường khắc phục hậu quả trước được 1.000.000 đồng cho Công ty theo Biên lai thu tiền ngày 13/11/2024 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho Công ty số tiền 6.136.000 đồng.

[5.2] Đối với thiệt hại của Bị hại Trần Danh T4.

Trần Danh T4 yêu cầu các bị cáo C, C1, K phải liên đới bồi thường sức khỏe 80.000.000 đồng. Các bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường cho Bị hại, mỗi bị cáo 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền ngày 13/11/2024 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T.

Quá trình điều tra các bên không thoả thuận được việc bồi thường, ngoài giao nộp hồ sơ Bệnh án ngoại khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ, Trần Danh T4 không nộp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của Bị hại giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5.3] Đối với thiệt hại của bị cáo Sùng A C, bị cáo Sùng A K.

Sùng A C yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khỏe 30.000.000 đồng; Sùng A K yêu cầu Trần Danh T4 bồi thường sức khỏe 15.000.000 đồng. Ngoài xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ xác định

bị cáo C bị tổn thương cơ thể 3%, bị cáo K bị tổn thương cơ thể 2%. Các bị cáo không đi điều trị, không nộp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị cáo giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về các vấn đề khác có liên quan

Đối với Trần Danh T4, xác định mối tương quan lực lượng và T4 bị ép, bị xô đẩy vào góc bếp, bị đẩy ngã, trong khi những người khác đang đập phá tài sản. Sau khi ngã và nhặt được con dao đã vung lên về phía các bị cáo với mục đích phòng vệ đã gây thương tích cho C 3%, Ka 2%; Xác định hành vi của T4 vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật hình sự thì mức thương tích phải từ 31% trở lên mới truy tố; do đó xác định Trần Danh T4 không phạm tội, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với Sùng A K đã có hành vi đập phá, làm hư hỏng 01 bình nước lọc, 01 cây quạt của Công ty TNHH X, theo kết luận định giá tài sản thiệt hại 336.000đồng. Xét thấy hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với Bùi Doãn C2 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 2%, do không xác định được ai là người đã gây thương tích, Bùi Doãn C2 không yêu cầu khởi tố và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Sùng A D, khi xảy ra sự việc đã có lời nói, hành vi ngăn cản hai bên; không tham gia đánh, không gây thương tích cho ai, không đập phá tài sản. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 02 thanh sắt hộp vuông; 01 ống điều hút thuốc Lào bằng tre; 02 đoạn gãy gỗ; 01 thanh sắt phi 10; 01 con dao là công cụ phạm tội; 01 áo phông cổ tròn màu trắng là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; Trả lại cho bị cáo Sùng A K 01 áo phông cổ tròn màu đỏ.

Đối với tài sản tạm giữ: 02 cây quạt; 01 bộ ấm chén; 01 phích nước; 10 chiếc bát; 02 bình nước lọc; 03 chiếc ghế nhựa; 01 xe ô tô BKS 27C - 022.84; 01 xe ô tô BKS 27H - 001.31; 01 tay giằng bên trái cửa xe ô tô BKS 27H - 001.31 của Công ty TNHH X, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho Công ty là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[8] Về án phí:

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo T1; các bị cáo C, C1, K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; Buộc Công ty TNHH X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Sùng A C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.2. Bị cáo Sùng A C1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A C1 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024).

1.3. Bị cáo Sùng A K phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A K 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024).

Giao các bị cáo Sùng A C1, Sùng A K cho UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Sùng A C1, Sùng A K.

1.4. Bị cáo Sùng A T1 phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 91, khoản 2 Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A T1 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện T và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật dân sự: Công nhận các bị cáo Sùng A C, Sùng A C1, Sùng A K đã tự nguyện bồi thường cho Bị hại Trần Danh T4, mỗi bị cáo 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền ngày 13/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Sùng A T1 bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH X – Điện Biên số tiền 7.136.000đồng. Công nhận bị cáo T1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại trước số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) cho Công ty theo Biên lai thu tiền ngày 13/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa; Bị cáo phải bồi thường tiếp cho Công ty số tiền còn lại 6.136.000 đồng (*Sáu triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH X – Điện Biên, phần yêu cầu bồi thường thiệt hại vượt quá với số tiền 944.000 đồng do không có căn cứ.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a,c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh sắt hộp vuông; 01 ống điều hút thuốc lào bằng tre; 02 đoạn gậy gỗ; 01 thanh sắt phi 10; 01 đoạn kim loại hình ống trụ hộp; 01 con dao bằng kim loại màu đen – bạc; 01 áo phông cổ tròn màu trắng của Bùi Doãn C2.

- Trả lại cho bị cáo Sùng A K: 01 áo phông cổ tròn màu đỏ.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo; Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng A T1.

Các bị cáo Sùng A C, Sùng A C1, Sùng A K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 21; điểm e khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Buộc Công ty TNHH X phải chịu án phí dân sơ thẩm có giá ngạch là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Kháng cáo:

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2024); Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- VKSND huyện Tủa Chùa;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện Tủa Chùa;
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tủa Chùa;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan